ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2016/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM
ĐẾN Số: 49
Ngày: 05-01-2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 691/TTr-STC ngày 08/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, với 3 Chương, 32 Điều.

* Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01/01/2017.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm các khoản chi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước ban hành đến 30/9/2016; là căn cứ để xây dựng dự toán chi ngân sách của các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thuộc tỉnh, dự toán chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn).

Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các đơn vị trực thuộc và gửi văn bản cho Sở Tài chính để trả lời cho các đơn vị trong thực hiện phân bổ, tổ chức thực hiện dự toán.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các quy định chung và tình hình thực tế chịu trách nhiệm xây dựng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017 cho các đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và ngân sách cấp xã, phường, thị trấn trình HĐND huyện, thị xã, thành phố xem xét quyết định và gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, Đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- VPCP, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (báo cáo);
- TTTU, TT HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CPVP và các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước

(Kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Phân cấp nguồn thu là phân chia nguồn thu phát sinh trên địa bàn tỉnh cho các cấp ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó xác định rõ nguồn thu từng cấp ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) hưởng 100% và các nguồn thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi là quy định nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) phù hợp với việc phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 là căn cứ để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách) đối với các Sở, Ban, ngành của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) thuộc tỉnh và các xã, phường, thị trấn (cấp xã); đồng thời là căn cứ trình cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, Ban, ngành, các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN).

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NĂM 2017

Mục 1
PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 3. Các khoản thu 100% của ngân sách các cấp

1. Các khoản thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn tỉnh, ngân sách Trung ương hưởng 100%.

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu.

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước.

d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

e) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước Trung ương thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

g) Phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than.

h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước Trung ương thu (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý;

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương xử lý;

m) Thu tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền Trung ương giao.

n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách Trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở

Trung ương đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

o) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu 100% ngân sách tỉnh.

a) Thu từ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh tổ chức thu (không kể lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, lệ phí môn bài).

b) Thu nhận bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

c) Tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê (không kể tiền thuê đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, tiền thuê đất, mặt nước thuộc các cụm công nghiệp do huyện quản lý). Thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn: Khu Kinh tế mở Chu Lai; dự án Khu đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc; dự án Tổng thể sắp xếp dân cư ven biển; dự án Nam Hội An; dự án vùng Đông Nam của tỉnh; dự án sử dụng đất cầu Cửa Đại; khu liên hợp Công nghiệp, đô thị, du lịch Việt - Hàn và các dự án do cấp tỉnh quản lý.

d) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

đ) Thu tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

e) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán (trừ lệ phí môn bài).

g) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh.

k) Thu huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nộp ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

l) Các khoản thu phạt, thu tịch thu do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu.

m) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính, thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách tỉnh.

n) Các khoản thu khác ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản thu 100% ngân sách huyện, thị xã, thành phố (dưới đây gọi tắt là cấp huyện).

a) Thu từ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện tổ chức thu, bao gồm cả lệ phí môn bài thu từ các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ cá thể kinh doanh, phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô và khí thiên nhiên, khí than); lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, lệ phí môn bài do cấp tỉnh quản lý thu.

b) Thu nhận bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý.

c) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước nộp hằng năm (trừ tiền thuê đất, mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí); tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp 01 lần thuộc các cụm công nghiệp do cấp huyện quản lý. Thu tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất tại khoản c, điểm 2, Điều 3) từ các dự án sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư kết cấu hạ tầng do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư và thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp: Giao đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất cho các cá nhân, hộ gia đình có thu tiền sử dụng đất; bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, gắn với chuyển quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất.

d) Thu thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí).

đ) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tỉnh cấp giấy phép.

e) Thu thuế nhà đất.

g) Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, tiền bán tài sản nhà nước kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất phát sinh trên địa bàn cấp huyện (trừ nguồn thu thuộc ngân sách Trung ương).

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan cấp huyện xử lý, sau khi trừ các chi phí theo quy định.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện.

k) Thu huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

l) Các khoản thu phạt, tịch thu do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.

m) Thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp huyện, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp huyện.

n) Thu khác ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản thu 100% ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã).

a) Thu từ các khoản phí, lệ phí, kể cả lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ cá thể kinh doanh (trừ lệ phí môn bài thu từ các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã,

lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường) do cấp xã quản lý tổ chức thu theo quy định.

b) Thu nhận bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do các cơ quan thuộc cấp xã quản lý.

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

đ) Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

e) Thu tiền sử dụng đất thu từ dự án sử dụng quỹ đất để tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng do cấp xã làm chủ đầu tư.

g) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (kể cả nhà ở) do cấp xã quản lý.

h) Thu tiền bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp xã quản lý.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

k) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo pháp luật quy định, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng do HĐND xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác.

l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện.

m) Thu kết dư, thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp xã, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp xã.

n) Thu khác ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)

1. Nguồn thu phân chia

a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

c) Thuế thu nhập cá nhân.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thu đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết).

đ) Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).

e) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp giấy phép.

2. Tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách:

Đơn vị tính: Phần trăm (%)

TT	Nguồn thu	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
1	**Thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; thuế bảo vệ môi trường:**				
	- Tam Kỳ	10	42	48	
	- Hội An	10	33	57	
	- Điện Bàn	10	38	52	
	- Núi Thành	10	77	13	
	- Các địa phương khác	10	45	45	
2	**Thuế tiêu thụ đặc biệt:**				
	- Tam Kỳ	10	42	48	
	- Hội An	10	33	57	
	- Điện Bàn	10	38	52	
	- Núi Thành	10	89	01	
	- Các địa phương khác	10	45	45	
3	**Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp giấy phép:**	70	00	30	

HĐND cấp huyện quy định tỷ lệ điều tiết cho cấp xã phù hợp để không vượt quá nhiệm vụ chi theo ủy quyền của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 21/2016/HĐND ngày 08/12/2016.

Mục 2
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển.

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do tỉnh quản lý theo quy định.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: Chi hoạt động các trường Trung học phổ thông, Phổ thông dân tộc nội trú (trừ trường Phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện quản lý), các trường Trung học cấp 2, 3 (nếu có), các trường đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, trường Dạy nghề công lập và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do tỉnh quản lý (bao gồm Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh quản lý).

b) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi hoạt động của các Bệnh viện tỉnh, Bệnh viện huyện, Bệnh viện khu vực, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố, Trạm y tế xã, phường, thị trấn, các Trung tâm Y tế dự phòng tuyến tỉnh và các hoạt động y tế khác do tỉnh quản lý, chi khám chữa bệnh trẻ em dưới 06 tuổi, chi y tế thôn, bản, tổ dân phố, khối phố, khu phố theo quy định.

c) Sự nghiệp văn hoá thông tin: Chi cho công tác bảo tồn, bảo tàng, thư viện, đoàn dân ca kịch, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan và hoạt động văn hoá thông tin khác do tỉnh quản lý.

d) Sự nghiệp thể dục thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tổ chức các giải thi đấu cấp tỉnh, tham gia các giải khu vực và quốc gia, quản lý các cơ sở vật chất thể dục, thể thao của tỉnh và các hoạt động thể dục, thể thao khác do tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp phát thanh truyền hình: Chi cho Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các Trạm phát lại truyền hình do tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ cấp tỉnh.

g) Sự nghiệp môi trường do cấp tỉnh quản lý.

h) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Chi hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội tập trung, bảo trợ xã hội đột xuất, phòng chống các tệ nạn xã hội, công tác xã

hội, các chương trình về đền ơn đáp nghĩa, lao động, việc làm và thực hiện các chính sách xã hội khác do cấp tỉnh tổ chức thực hiện .

i) Các hoạt động kinh tế do cấp tỉnh thực hiện, gồm:

Sự nghiệp giao thông: Bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường sông thuộc các tuyến do tỉnh quản lý và các hoạt động sự nghiệp giao thông vận tải khác do tỉnh quản lý.

Sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản, diêm nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu bảo dưỡng các công trình đê điều, thuỷ lợi, các trạm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; bảo vệ thực vật, thú y, công tác giống, quản lý, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, phòng chống thiên tai do tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện. Chi thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thuỷ sản theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh.

Sự nghiệp tài nguyên: Đo đạc, lập bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp quản lý đất đai khác do tỉnh quản lý theo phân cấp. Chi điều tra cơ bản, quản lý khoáng sản, quan trắc môi trường và các hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường do tỉnh quản lý.

Chi sự nghiệp khuyến công, hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp, xúc tiến, thu hút đầu tư, hỗ trợ thâm nhập thị trường, hỗ trợ phát triển thương mại du lịch và dịch vụ do tỉnh quản lý và thực hiện.

Chi thực hiện nhiệm vụ quy hoạch cấp tỉnh theo quy định hiện hành, chi hoạt động thương mại, du lịch.

Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý.

k) Hoạt động quản lý hành chính:

Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh.

Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh gồm: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh.

Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

l) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do tỉnh thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành.

m) Các khoản chi khác của ngân sách tỉnh theo quy định.

3. Chi trả lãi, phí các khoản do ngân sách tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau thuộc ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, cấp xã.

7. Chi hỗ trợ các trường hợp sau:

a) Chi hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Chi hỗ trợ cho các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của tỉnh;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa theo quy định.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển.

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn xây dựng cơ bản (XDCB) tập trung được phân cấp, nguồn vốn đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn bổ sung có mục tiêu theo phân cấp của tỉnh.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ các nguồn thu: tiền sử dụng đất, nguồn thu huy động của các tổ chức cá nhân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các nguồn thu khác theo quy định do cấp huyện quản lý.

c) Chi đối ứng các dự án viện trợ được phân cấp quản lý.

2. Chi thường xuyên.

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Chi giáo dục Mầm non công lập, Tiểu học, Trung học cơ sở, trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện quản lý; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cấp huyện quản lý.

b) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ công tác chăm sóc sức khoẻ của người dân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan.

c) Sự nghiệp văn hóa - thông tin: Chi bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, đội thông tin lưu động và các hoạt động văn hóa - thông tin khác do cấp huyện quản lý.

d) Sự nghiệp thể dục thể thao: Chi cho các hoạt động thể dục, thể thao do cấp huyện tổ chức thực hiện và quản lý.

đ) Chi cho Đài Truyền thanh Truyền hình; các trạm phát lại truyền hình do cấp huyện quản lý.

e) Sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

g) Sự nghiệp đảm bảo xã hội: Bảo trợ thường xuyên, đột xuất; chính sách người có công; công tác giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lao động, việc làm, quản lý đối tượng chính sách, đối tượng xã hội (bao gồm cả chế độ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan).

h) Các hoạt động kinh tế do ngân sách cấp huyện quản lý, gồm:

Sự nghiệp giao thông: bảo trì duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do huyện quản lý, chi đảm bảo an toàn giao thông quản lý bến bãi và các hoạt động sự nghiệp giao thông vận tải khác do cấp huyện quản lý.

Sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ sản, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các trạm trại nông, lâm, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản do cấp huyện quản lý (bao gồm hoạt động thường xuyên của các Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y....)

Sự nghiệp công nghiệp: Xúc tiến đầu tư, quản lý các cụm công nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống.

Chi kiến thiết thị chính: Chi duy tu, bảo dưỡng và kinh phí thường xuyên đối với các công trình công cộng đô thị như điện chiếu sáng công cộng, vỉa hè, công viên cây xanh, hệ thống cấp, thoát nước, giao thông nội thị và các công trình công cộng khác thuộc thị trấn, các khu đô thị, dân cư tập trung do cấp huyện quản lý.

Chi đo đạc lập bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu trữ hồ sơ địa chính và quản lý khoáng sản do cấp huyện quản lý theo phân cấp.

Chi cho hoạt động trợ giá theo phân cấp.

Chi thực hiện nhiệm vụ quy hoạch do cấp huyện quản lý theo quy định hiện hành.

Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.

i) Hoạt động quản lý hành chính:

Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp huyện.

Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện gồm: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân huyện.

Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp huyện theo quy định.

k) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp huyện thực hiện theo phân cấp.

l) Các khoản chi khác của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi hỗ trợ các trường hợp sau:

a) Chi hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Chi hỗ trợ cho các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của huyện;

c) Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa theo quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển.

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ các nguồn vốn theo phân cấp.

b) Chi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ các nguồn thu đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho từng dự án nhất định, do HĐND xã quyết định bổ sung vào ngân sách cấp xã quản lý theo từng lĩnh vực.

c) Chi đầu tư từ các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên.

a) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ các lớp bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, kể cả hỗ trợ cho giáo viên mẫu giáo và cô nuôi dạy trẻ do cấp xã quản lý.

b) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ công tác chăm sóc sức khoẻ của người dân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan.

c) Chi hoạt động văn hóa thông tin - Thể dục thể thao: Tổ chức các hoạt động văn hóa, các giải thi đấu thể thao ở cơ sở và tham gia các hoạt động văn hóa - thể thao do cấp trên tổ chức, bao gồm cả hoạt động của Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã.

d) Chi hoạt động phát thanh: Duy trì hoạt động của các Đài FM cơ sở theo phân cấp quản lý.

đ) Chi hoạt động bảo vệ môi trường theo phân cấp.

e) Chi cho công tác xã hội cấp xã quản lý: trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi), chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

g) Chi cho các hoạt động kinh tế bao gồm: sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng. Riêng đối với thị trấn còn có nhiệm vụ chi sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh.

Hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo chế độ quy định

h) Chi cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, gồm: Tiền lương, tiền công cho cán bộ, công chức cấp xã; Phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; Phụ cấp cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Quyết định của UBND tỉnh; Các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo quy định của Nhà nước; Chi về hoạt động công vụ như: điện nước, văn phòng phẩm, bưu phí, điện thoại, công tác phí, hội nghị phí, chi tiếp tân, khánh tiết, xây dựng tủ sách pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật...; Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc; Chi khác theo chế độ quy định.

Chi hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp xã, tổ chức Đảng cơ sở ở cấp xã.

Chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân xã).

Chi hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ, công chức cấp xã và các đối tượng khác thuộc cấp xã theo quy định của pháp luật.

i) Chi an ninh: Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, chi đảm bảo các chế độ chính sách của tỉnh quy định đối với Ban bảo vệ tổ dân phố, công an viên thường trực của xã, kinh phí trực của các xã trọng điểm về an ninh.

k) Chi Quốc phòng: Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ; Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

l) Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của Pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Chương III
ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC CẤP THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1
NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ PHÂN BỔ

Điều 8. Nguyên tắc và tiêu chí phân bổ

1. Nguyên tắc phân bổ:

- Định mức chi thường xuyên năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 đối với cấp huyện, cấp xã đảm bảo không thấp hơn năm 2016 và có mức tăng hợp lý.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong phương án phân bổ ngân sách giữa các cấp ngân sách địa phương.

- Định mức chi thường xuyên đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách nhà nước (kể cả các chế độ HĐND tỉnh) đến thời điểm 30/9/2016 và tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

- Nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi thường xuyên NSĐP năm 2017 là căn cứ để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách) đối với các Sở, Ban, ngành của tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã; đồng thời là căn cứ trình cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật NSNN.

2. Tiêu chí phân bổ:

Nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách là phục vụ hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và một số nhiệm vụ chi sự nghiệp. Định mức dự toán chi thường xuyên năm 2017, phân bổ theo tiêu chí: đơn vị hành chính; biên chế; quỹ tiền lương và có kết hợp với dân số. Cụ thể:

- Biên chế: Theo biên chế của cấp thẩm quyền giao có mặt đến thời điểm 30/9/2016 (cả những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ).

- Quỹ tiền lương: Lương ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (không bao gồm phụ cấp lâu năm và phụ cấp thu hút theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, các khoản này được bổ sung theo thực tế) và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, Bảo hiểm thất nghiệp...), được xác định theo quỹ lương thực tế trong báo cáo tiền lương năm 2016 (đến 30/9/2016) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng của các đơn vị, địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33; kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định.

- Đơn vị hành chính: Có 244 xã, phường, thị trấn; có 1.718 thôn, tổ dân phố.

Mục 2
ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH

Điều 9. Hoạt động an ninh, quốc phòng

Căn cứ nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách, hằng năm ngân sách bố trí dự toán chi không thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

Điều 10. Hoạt động quản lý hành chính nhà nước

1. Phân bổ quỹ tiền lương, gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (dưới đây gọi chung là tiền lương), gồm:

a) Phân bổ tiền lương đối với cán bộ, công chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, phân bổ thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

Đối với số biên chế trong chỉ tiêu giao chưa có mặt sẽ được bổ sung khi có quyết định tuyển dụng.

b) Phân bổ tiền lương đối với lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2006 của Chính phủ theo thực tế đã hợp đồng tại thời điểm tháng 9/2016 và phân bổ thêm để nâng lương định kỳ theo quy định, trong phạm vi định suất lao động, như sau:

- Cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu biên chế từ 50 người trở lên: 05 suất.
- Cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu biên chế từ 30 đến dưới 50 người: 04 suất.
- Cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu biên chế dưới 30 người: 03 suất.
- Đối với cơ quan dự toán cấp III trực thuộc cơ quan dự toán cấp II không quá 02 suất.

2. Phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên để: Khen thưởng; phúc lợi tập thể; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền; cải cách thủ tục hành chính; rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; công tác phí, hội nghị; đoàn ra, đoàn vào; thuê mướn; nghiệp vụ chuyên môn; sửa chữa thường xuyên tài sản cố định; mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc; kỷ niệm các ngày lễ trong năm; hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể, công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ Phụ nữ; các khoản chi khác theo chế độ quy định (dưới đây gọi chung là dự toán chi hoạt động thường xuyên).

Dự toán chi hoạt động thường xuyên được xác định như sau:

Dự toán chi hoạt động thường xuyên	=	Số cán bộ, công chức và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao	x	Định mức chi/người/ năm	x	Hệ số

Trong đó:

a) Định mức chi ngân sách phân bổ (người/năm):

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Chỉ tiêu biên chế giao	Định mức ngân sách phân bổ	
	Nhóm A	Nhóm B
- Cơ quan được giao từ 50 biên chế trở lên	27	33
- Cơ quan được giao từ 30 đến dưới 50 biên chế	30	36
- Cơ quan được giao dưới 30 biên chế	33	39

Cơ quan áp dụng định mức nhóm A là cơ quan có nguồn thu nộp ngân sách được cấp lại hoặc để lại theo quy định từ 300 triệu đồng trở lên hoặc dự toán ngân sách có phân bổ chi hoạt động đặc thù thường xuyên từ 1.500 triệu đồng trở lên; các cơ quan còn lại áp dụng định mức nhóm B. Đối với các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc đơn vị dự toán cấp II thì tính chung là một đơn vị để áp dụng định mức tương ứng.

b) Hệ số: Tùy thuộc vào hoạt động đặc thù của từng cơ quan, áp dụng hệ số phân bổ chi hoạt động thường xuyên, như sau:

- Các cơ quan thuộc khối Đảng tỉnh: hệ số 1,3;

- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh: hệ số 1,2;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh: hệ số 1,1;

- Các Sở, Ban, ngành là đơn vị dự toán cấp I: hệ số 1,0;

- Các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành: Đơn vị dự toán cấp II: hệ số 0,8; đơn vị dự toán cấp III: hệ số 0,7;

- Nhân viên nghiệp vụ chuyên môn đã được UBND tỉnh cho phép hợp đồng và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2010 của Chính phủ: hệ số 0,5 so với định mức áp dụng đối với cơ quan, đơn vị.

3. Ngân sách phân bổ chi hoạt động đặc thù ngoài định mức (nêu trên), gồm:

a) Hoạt động đối với cán bộ, công chức của các Sở, Ban, ngành, đơn vị là thành viên: Ban Chấp hành Trung ương của các tổ chức chính trị xã hội (trừ Liên đoàn Lao động), Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh mức chi: 50 triệu đồng/người/năm;

b) Hoạt động xử phạt vi phạm hành chính theo quy định;

c) Mua sắm trang phục chuyên ngành đối với Thanh tra viên, Kiểm lâm viên, Quản lý thị trường, Kiểm dịch viên thú y, bảo vệ thực vật, ... mức chi: 03 triệu đồng/người/năm (kể cả nhân viên đã được UBND tỉnh cho phép hợp đồng làm nhiệm vụ này).

d) Chi hoạt động của chi bộ, đảng bộ trong cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh

như sau: Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có 30 đảng viên trở xuống, mức chi bằng 10 lần mức lương tối thiểu/chi bộ/năm; từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100, định mức chi bằng 0,4 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm; từ đảng viên thứ 101 đến đảng viên thứ 200, định mức chi bằng 0,3 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm; từ đảng viên thứ 201 đến đảng viên thứ 300, định mức chi bằng 0,2 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm; từ đảng viên thứ 301 trở lên, định mức chi bằng 0,1 mức lương tối thiểu/đảng viên/năm.

đ) Thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người lao động theo quy định (ngoài tiền lương đã phân bổ).

e) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tính chất hoạt động của từng cơ quan, ngân sách phân bổ dự toán chi không thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ được giao, hoạt động đặc thù của ngành, gồm:

- Hoạt động đặc thù thường xuyên của Tỉnh ủy, Thường trực HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, UBND tỉnh và UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh; hoạt động đặc thù thường xuyên đối với một số Sở, Bạn, ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổng hợp, hoạt động quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và Đội Tự vệ thành lập theo quy định;

- Ngân sách hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức lễ đón nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng và tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn, ngày truyền thống, ngày thành lập ngành thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh (Hiện đang áp dụng tại Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh).

- Thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án từ nguồn vốn sự nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt.

- Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, trang thiết bị làm việc.

Điều 11. Hoạt động sự nghiệp giáo dục (Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh và Phổ thông Dân tộc nội trú cấp 2, 3):

1. Phân bổ quỹ tiền lương, gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (gọi chung là tiền lương), gồm:

a) Phân bổ tiền lương đối với công chức, viên chức và lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi định mức:

- Định mức giáo viên/lớp: Trường THPT: 2,15 giáo viên/lớp, Trường THPT chuyên: 3,10 giáo viên/lớp, Trường PTDTNT tỉnh: 2,40 giáo viên/lớp, Trường PTDTNT huyện có 2 cấp học: 2,30 giáo viên/lớp; số học sinh/lớp đối với các Trường THPT bình quân 40 học sinh/lớp.

- Định mức cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác văn phòng, thư viện, thiết bị, thí nghiệm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-

BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Nội vụ và Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phân bổ tiền lương đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP theo số lao động thực tế hợp đồng có mặt tại thời điểm tháng 9/2016 nhưng tối đa không quá định suất lao động, cụ thể:

- Lao động làm công việc bảo vệ, tạp vụ, quản sinh: 03 suất/trường. Riêng đối với trường có học sinh ở nội trú: 04 suất/Trường.

- Lao động làm công việc cấp dưỡng cho học sinh tại các trường Phổ thông dân tộc nội trú theo mức tối thiểu 35 học sinh nội trú/01 nhân viên.

c) Phân bổ thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

d) Phân bổ tiền lương đối với số giáo viên chưa tuyển so với định mức quy định theo hệ số lương 2,34 (bao gồm các khoản đóng góp theo quy định) để tuyển mới giáo viên hoặc chi trả dạy tăng, dạy thay, thỉnh giảng theo quy định.

2. Phân bổ chi hoạt động: Được xác định bằng 18% trong tổng dự toán chi, gồm: 82% là quỹ tiền lương và 18% là chi hoạt động.

Tiền lương (82%), gồm: Tiền lương, tiền công; các khoản phụ cấp (chức vụ, vượt khung và ưu đãi) và các khoản đóng góp theo quy định đối với cán bộ quản lý, giáo viên (bao gồm số giáo viên chưa tuyển so với định mức) và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng, trong phạm vi định mức quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này. Chi hoạt động (18%), được xác định cụ thể:

$$\text{Chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{82\%} \times 18\%$$

Khoản chi hoạt động (18%) nêu trên quy thành 100% và bố trí sử dụng theo cơ cấu như sau:

a) Phân bổ tại Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện những nhiệm vụ chung toàn ngành:

- Bố trí tối thiểu 15% quản lý tập trung tại ngành để phân bổ cho các trường nhằm tăng cường cơ sở vật chất có tính chất không thường xuyên như: Mua sắm trang thiết bị, bàn ghế, sửa chữa lớn trường, lớp, ...

- Bố trí dự toán kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đặc thù chung toàn ngành, gồm: Tổ chức thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông, Bổ túc Trung học phổ thông, tuyển sinh lớp 10; hội thi, bồi dưỡng học sinh giỏi, khen thưởng,...

b) Phân bổ cho các Trường để thực hiện nhiệm vụ được giao và chi hoạt động thường xuyên (còn lại sau khi bố trí nội dung tại điểm a khoản 2 Điều này):

- Bố trí tối thiểu 5% cùng với 5% nguồn thu học phí phân bổ cho các trường để tổ chức các hoạt động ngoại khóa (phát triển thể chất, văn thể mỹ, hoạt động trải nghiệm, ...);

- Phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định.

- Khoản dự toán kinh phí hoạt động (còn lại) cùng với nguồn thu học phí (sau khi trích 40% bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương, 5% phục vụ hoạt động ngoại khóa và 20% để lại trường) bổ sung kinh phí hoạt động, phân bổ cho các trường, nội dung sử dụng:

Bố trí tối thiểu 20% để chi tăng cường cơ sở vật chất có tính chất thường xuyên: Mua sắm bổ sung bàn ghế, trang thiết bị dạy học, sửa chữa tài sản, trường, lớp, ...

Phục vụ giảng dạy và học tập, công tác phí coi thi, chấm thi (kể cả thi tốt nghiệp và tuyển sinh 10), ...

Chi hoạt động thường xuyên phục vụ dạy và học.

Hệ số điều chỉnh phân bổ dự toán kinh phí tại điểm b, khoản 2 Điều này cho phù hợp với từng trường, cụ thể như sau:

Hệ số điều chỉnh về quy mô lớp/trường:

TT	Số lớp/trường	Hệ số điều chỉnh
1	Trên 50 lớp	1,00
2	Từ 46 lớp đến 50 lớp	1,05
3	Từ 41 lớp đến 45 lớp	1,10
4	Từ 36 lớp đến 40 lớp	1,15
5	Từ 31 lớp đến 35 lớp	1,20
6	Từ 26 lớp đến 30 lớp	1,25
7	Từ 21 lớp đến 25 lớp	1,30
8	Từ 16 lớp đến 20 lớp	1,50
9	Từ 11 lớp đến 15 lớp	1,70
10	Dưới 11 lớp	2,00

Hệ số điều chỉnh về khu vực địa điểm trường đóng:

TT	Khu vực có hệ số	Hệ số điều chỉnh
1	Hệ số phụ cấp khu vực bằng 0	1,00
2	Hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến dưới 0,3	1,10
3	Hệ số phụ cấp khu vực từ 0,3 đến dưới 0,5	1,20
4	Hệ số phụ cấp khu vực từ 0,5 đến dưới 0,7	1,30
5	Hệ số phụ cấp khu vực bằng 0,7	1,50

Hệ số điều chỉnh về loại trường:

TT	Loại trường	Hệ số điều chỉnh
1	Trường THPT chuyên	2,00
2	Trường PT Dân tộc nội trú - PT Dân tộc nội trú tỉnh - PT Dân tộc nội trú cấp 2, 3	 1,70 1,30
3	Các trường THPT còn lại	1,00

3. Ngân sách phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên:

- Chế độ, chính sách đối với: Công chức, viên chức và người lao động theo quy định (ngoài tiền lương, phụ cấp đã phân bổ tại khoản 1 Điều này), chế độ, chính sách đối với học sinh và cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định; ...

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập, hằng năm ngân sách bố trí để tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp và mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Điều 12. Hoạt động sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Xác định chi phí đào tạo, gồm:

a) Chi phí quỹ tiền lương: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo chế độ quy định, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định (gọi chung là tiền lương).

b) Chi phí hoạt động phục vụ giảng dạy và học tập: Xác định trên cơ sở chi phí thực tế thực hiện trong những năm qua; đồng thời rà soát lại các khoản chi phí phù hợp, đáp ứng đảm bảo nhu cầu kinh phí phục vụ giảng dạy và học tập.

Từ cơ sở chi phí nêu trên, xác định chi phí đào tạo học sinh, sinh viên/năm của từng cấp học, ngành học.

2. Định mức ngân sách phân bổ để đào tạo chỉ tiêu học sinh, sinh viên Nhà nước đặt hàng theo cấp học, ngành học được xác định như sau:

$$\text{Định mức ngân sách phân bổ} = \text{Chi phí đào tạo} - \text{Học phí theo quy định}$$

a) Định mức ngân sách phân bổ để đào tạo học sinh, sinh viên từng cấp học, ngành học:

ĐVT: 1.000 đồng/học sinh, sinh viên/năm

Trình độ đào tạo, ngành đào tạo	Định mức ngân sách phân bổ
1) Đào tạo Đại học	
- Khoá học xã hội, kinh tế, nông lâm, thủy sản; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	6.000
- Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục – thể thao, văn hóa – nghệ thuật, khách sạn – du lịch. Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	7.000
- Sư phạm. Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	11.000

Trình độ đào tạo, ngành đào tạo	Định mức ngân sách phân bổ
2) Đào tạo Cao đẳng:	
- Y, dược. Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 45%/chi phí đào tạo.	7.000
- Khoa học xã hội, kinh tế, nông lâm, thủy sản; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	4.800
- Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục – thể thao, văn hóa – nghệ thuật, khách sạn – du lịch; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	5.800
- Sư phạm; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	8.900
- Đào tạo nghề; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 45%/chi phí đào tạo.	10.800
3) Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 60%/chi phí đào tạo.	11.000
4) Đào tạo Trung cấp:	
- Y, dược; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 45%/chi phí đào tạo.	6.000
- Khoa học xã hội, kinh tế, nông lâm, thủy sản; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	4.500
- Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục – thể thao, văn hóa – nghệ thuật, khách sạn – du lịch; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50%/chi phí đào tạo.	5.000
- Đào tạo nghề; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 45% /chi phí đào tạo. Đối với đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Miền núi thì áp dụng 1,25 so với định mức chi này; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 45% /chi phí đào tạo.	9.500
- Sư phạm; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 50% /chi phí đào tạo.	8.000
5) Đào tạo năng khiếu thể dục - thể thao; Cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 70% /chi phí đào tạo.	16.300
6) Danh mục nghề và định mức kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh (hiện nay đang áp dụng tại Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014)	

b) Dự toán ngân sách phân bổ để đào tạo đối với chỉ tiêu học sinh, sinh viên Nhà nước đặt hàng:

$$\text{Dự toán chi ngân sách phân bổ} = \text{Định mức ngân sách phân bổ/HS,SV/năm} \times \text{Chỉ tiêu đào tạo bình quân}$$

c) Đối với đào tạo lưu sinh viên Lào: Định mức đào tạo bằng 1,1 so với định mức ngân sách phân bổ đào tạo đối với chỉ tiêu ngân sách cấp tại điểm a, khoản 2 Điều này.

3. Dự toán ngân sách nhà nước phân bổ tại điểm a, khoản 2 Điều này, cùng với nguồn thu học phí theo quy định đã đáp ứng các nhiệm vụ chi phục vụ giảng dạy và học tập, gồm:

a) Tiền lương đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp đồng theo chế độ quy định.

b) Chi phí phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập: Học bổng học sinh, sinh viên; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, tuyền truyền; hội nghị; công tác phí; nghiệp vụ chuyên môn; mua sách, báo, tài liệu, giáo trình, nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ thực hành, thực tập, hoạt động trải nghiệm, văn thể mỹ; chế độ giáo viên TDTT, giáo viên thực hành theo quy định.

c) Sửa chữa, mua sắm tài sản, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc.

d) Các khoản chi khác: Hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên, vì sự tiến bộ phụ nữ; kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống và các khoản chi khác theo quy định.

4. Ngân sách phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên:

a) Hoạt động của cơ sở Đảng, Ban Chỉ huy Quân sự và Đội Tự vệ được thành lập theo quy định.

b) Chế độ, chính sách đối với: Công chức, viên chức và người lao động theo quy định (ngoài tiền lương đã cơ cấu trong chi phí đào tạo) và chế độ, chính sách đối với sinh viên, cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định; ...

c) Ngân sách hỗ trợ phục vụ ăn, ở, sinh hoạt, đi lại, ... đối với lưu sinh viên Lào thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh (Hiện đang áp dụng tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh).

d) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu phục vụ dạy và học, hằng năm ngân sách bố trí để tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp và mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Điều 13. Hoạt động sự nghiệp y tế

1. Đối với các Bệnh viện Đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh và Bệnh viện thành phố Hội An (gọi chung là cơ sở y tế điều trị):

Thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên Bộ: Y tế - Tài chính (giá dịch vụ đã bao gồm: chi phí trực tiếp, phụ cấp trực, phẫu thuật, thủ thuật, tiền lương); về nguyên tắc các cơ sở y tế điều trị tự cân đối chi phí hoạt động thường xuyên từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp, tiền lương của số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu biên chế Nhà nước giao chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến nguồn thu hoạt động

dịch vụ không đảm bảo nhu cầu chi hoạt động thường xuyên theo quy định thì ngân sách phân bổ theo nguyên tắc sau đây:

a) Xác định dự toán thu: Tính đúng, tính đủ các khoản thu hoạt động dịch vụ, thu sự nghiệp, thu khác theo quy định của Nhà nước; đồng thời, xác định các khoản chi phí trực tiếp phục vụ thu (số thu đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh để chi hoạt động thường xuyên là số thu sau khi đã trừ các khoản chi phí: thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế).

b) Xác định dự toán chi, gồm:

- Quỹ tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ), gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33, kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định (dưới đây gọi chung là tiền lương).

- Chi hoạt động thường xuyên: Tính theo số giường bệnh kế hoạch Nhà nước giao và định mức chi: 55 triệu đồng/giường bệnh kế hoạch/năm và được xác định:

$$\text{Chi hoạt động thường xuyên} = \text{Số giường bệnh kế hoạch Nhà nước giao} \times \text{Định mức chi/ giường bệnh kế hoạch/năm}$$

Ngân sách phân bổ định mức chi: 55 triệu đồng/giường bệnh kế hoạch/năm cho các cơ sở y tế điều trị theo hệ số điều chỉnh:

Hệ số điều chỉnh quy mô giường bệnh:

TT	Quy mô giường bệnh	Hệ số điều chỉnh
1	Từ 350 giường bệnh trở lên	0,9
2	Từ 100 đến dưới 350 giường bệnh	1,0
3	Dưới 100 giường bệnh	1,1

Hệ số điều chỉnh theo tính chất của cơ sở y tế điều trị:

TT	Tính chất của cơ sở y tế điều trị	Hệ số điều chỉnh
1	Bệnh viện Đa khoa	1,0
2	Bệnh viện, Trung tâm chuyên khoa	1,2

c) Trên cơ sở số thu và dự toán chi được xác định (nêu trên):

- Đối với đơn vị có số thu bằng hoặc lớn hơn dự toán chi thì đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Đối với đơn vị có số thu nhỏ hơn dự toán chi thì ngân sách phân bổ khoản chênh lệch chi lớn hơn thu này.

2. Đối với các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố: Hoạt động của các đơn vị này có tính đặc thù vừa khám bệnh, chữa bệnh vừa thực hiện công tác y tế dự phòng; hai nhiệm vụ này khi thực hiện đều kết hợp với nhau, nguyên tắc ngân sách phân bổ đối với hoạt động điều trị tương tự như khoản 1 Điều này; riêng đối với hoạt động y tế dự phòng ngân sách đảm bảo dự toán chi hoạt động thường xuyên.

Dự toán ngân sách phân bổ theo nguyên tắc như sau:

a) Xác định dự toán thu: Tính đúng, tính đủ các khoản thu hoạt động dịch vụ, thu sự nghiệp, thu khác theo quy định của Nhà nước; đồng thời, xác định các khoản chi phí trực tiếp phục vụ thu (số thu đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh để chi hoạt động thường xuyên là số thu sau khi đã trừ các khoản chi phí: thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế).

b) Xác định dự toán chi, gồm:

- Quỹ tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ), gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33, kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định (dưới đây gọi chung là tiền lương).

- Chi hoạt động thường xuyên, gồm:

Đối với hoạt động y tế dự phòng: Phân bổ theo số công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực hiện công tác y tế dự phòng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế hoạt động y tế dự phòng được giao, với định mức chi: 23 triệu đồng/người/năm (bằng 70% so với định mức đối với cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở tại điểm a, khoản 2 Điều 10).

Đối với hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Tính trên số giường bệnh kế hoạch giao và định mức mức chi: 50 triệu đồng/giường bệnh kế hoạch/năm.

$$\text{Chi hoạt động thường xuyên} = \left(\text{Số CC, VC và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng} \times \text{Định mức chi ngân sách phân bổ/chỉ tiêu biên chế y tế dự phòng}\right) + \left(\text{Số giường bệnh kế hoạch Nhà nước giao} \times \text{Định mức Chi/giường bệnh KH/năm}\right)$$

c) Căn cứ kết quả xác định số thu và dự toán chi nêu trên, ngân sách phân bổ khoản chênh lệch chi lớn hơn thu này nhưng không nhỏ hơn dự toán chi đối với hoạt động y tế dự phòng. Trong đó, dự toán chi cho hoạt động y tế dự phòng được xác định như sau:

$$\text{Ngân sách phân bổ hoạt động y tế dự phòng} = \frac{\text{Tổng quỹ tiền lương của CC, VC và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ điều trị và dự phòng (trong phạm vi chỉ tiêu biên chế giao)}}{\text{Tổng số CC, VC và hợp đồng thực tế có mặt thực hiện nhiệm vụ điều trị và dự phòng (trong phạm vi chỉ tiêu biên chế giao)}} \times \text{Số CC, VC và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng} + \text{Chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng}$$

3. Đối với các cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh

a) Xác định dự toán thu: Tính đúng, tính đủ các khoản thu phí, lệ phí; thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ và thu khác theo quy định của Nhà nước; đồng thời, xác định các khoản chi phí trực tiếp phục vụ thu.

b) Xác định dự toán chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, gồm:

- Quỹ tiền lương gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định (dưới đây gọi chung là tiền lương).

- Chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo số công chức, viên chức và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ này, với định mức chi: 27 triệu đồng/người/năm (bằng 80% so với định mức đối với cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở tại điểm a, khoản 2 Điều 10).

c) Trên cơ sở số thu và dự toán chi được xác định (nêu trên):

- Đối với đơn vị có số thu bằng hoặc lớn hơn dự toán chi thì đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Đối với đơn vị có số thu nhỏ hơn dự toán chi thì ngân sách phân bổ khoản chênh lệch chi lớn hơn thu này.

4. Đối với Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

a) Phân bổ tiền lương, gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 kể cả phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (dưới đây gọi chung là tiền lương).

b) Phân bổ chi hoạt động thường xuyên:

- Văn phòng Trung tâm: Phân bổ theo số công chức, viên chức và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ này, với định mức chi: 23 triệu đồng/người/năm (bằng 70% so với định mức đối với cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở tại điểm a, khoản 2 Điều 10).

- Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại xã, phường, thị trấn: 8 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

5. Đối với Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

a) Phân bổ tiền lương, gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9 năm 2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 kể cả phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định.

b) Phân bổ chi hoạt động thường xuyên: 60 triệu đồng/Trạm Y tế (bao gồm cả chi phí trực theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Đối với nhân viên y tế thôn, bản và nhân viên y tế tại các tổ dân phố, khối phố, khu phố:

Ngân sách phân bổ theo quy định tại Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 01/10/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Ngân sách phân bổ bổ sung đối với giường bệnh thực tế thực hiện vượt so với giường bệnh kế hoạch:

Trường hợp trong năm, số giường bệnh điều trị thực tế thực hiện tăng so với số giường bệnh kế hoạch giao tại khoản 1 và 2 Điều này, ngân sách bổ sung thêm 16,5 triệu đồng/giường bệnh tăng thêm, nhưng tối đa không quá 100% số giường bệnh kế hoạch giao, để chi các khoản chi phí: tiền lương hợp đồng thêm y, bác sỹ, điều dưỡng, nhân viên phục vụ khám chữa bệnh, tiền làm thêm giờ, tiền trực, tiền phẫu thuật, tiền điện, tiền nước, sửa chữa thường xuyên tài sản, trang thiết bị, ...

8. Ngân sách phân bổ chi hoạt động đặc thù ngoài định mức chi thường xuyên, gồm:

a) Đối với các Bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh, phân bổ 300 triệu đồng/đơn vị/năm để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống các bệnh: Lao, da liễu, tâm thần.

b) Hoạt động của cơ sở Đảng, Ban Chỉ huy Quân sự và Đội tự vệ được thành lập theo quy định.

c) Chế độ, chính sách đối với: Công chức, viên chức và người lao động theo quy định (ngoài tiền lương đã cơ cấu trong chi phí).

d) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu phục vụ khám, chữa bệnh, thực hiện công tác y tế dự phòng, hoạt động đặc thù ngành và nhu cầu về tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, hằng năm ngân sách bố trí để để thực hiện nhiệm vụ này. Đối với đối tượng nhiễm HIV/AIDS thì ngân sách hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế theo lộ trình BHYT toàn dân theo số đối tượng thực tế.

Điều 14. Hoạt động sự nghiệp khác (trừ sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo): Căn cứ nguồn thu phí, lệ phí; thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, thu khác theo quy định và chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, ngân sách phân bổ chi hoạt động thường xuyên tại đơn vị sự nghiệp theo nguyên tắc:

1. Xác định dự toán thu: Tính đúng, tính đủ các khoản thu phí, lệ phí; thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ và thu khác theo quy định của Nhà nước; đồng thời, xác định các khoản chi phí trực tiếp phục vụ thu.

2. Xác định dự toán chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, gồm:

a) Phân bổ tiền lương, gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số lương 0,33 kể cả phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định (dưới đây gọi chung là tiền lương).

b) Chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo số công chức, viên chức và hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tháng 9/2016, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ này, với định mức chi:

Định mức chi hoạt động thường xuyên:

ĐVT: triệu đồng/người/năm

Chỉ tiêu biên chế giao	Định mức chi thường xuyên		
	Đơn vị trực thuộc UBND tỉnh (bằng 100% QLNN cấp Sở)	Đơn vị trực thuộc cơ quan dự toán cấp I (bằng 80% QLNN cấp Sở)	Đơn vị trực thuộc cơ quan dự toán cấp II (bằng 70% QLNN cấp Sở)
- Cơ quan được giao từ 50 biên chế trở lên	27	22	19
- Cơ quan được giao từ 30 đến dưới 50 biên chế	30	24	21
- Cơ quan được giao dưới 30 biên chế	33	27	23

c) Trên cơ sở số thu và dự toán chi được xác định tại điểm a và b, khoản 2 Điều này:

- Đối với đơn vị có số thu bằng hoặc lớn hơn dự toán chi thì đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

- Đối với đơn vị có số thu nhỏ hơn dự toán chi thì ngân sách phân bổ khoản chênh lệch chi lớn hơn thu này.

3. Ngân sách phân bổ chi hoạt động đặc thù ngoài định mức chi thường xuyên, gồm:

a) Hoạt động của cơ sở Đảng, Ban Chỉ huy Quân sự và Đội Tự vệ được thành lập theo quy định.

b) Chế độ, chính sách đối với: Công chức, viên chức và người lao động theo quy định (ngoài tiền lương đã cơ cấu trong chi phí).

c) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu phục vụ phát triển sự nghiệp công và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, hằng năm ngân sách bố trí để thực hiện nhiệm vụ này.

d) Hỗ trợ, sáng tác và phổ biến các tác phẩm văn học nghiên cứu về Quảng Nam.

Các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ Nghị định trong từng lĩnh vực sự nghiệp và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, xây dựng Phương án tự chủ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định.

Điều 15. Hoạt động đối với các tổ chức hội

1. Tổ chức hội có tính chất đặc thù:

Ngân sách phân bổ quỹ tiền lương, tiền thù lao và chi hoạt động thường xuyên theo số lượng công chức, viên chức và nhân viên hợp đồng thực tế có mặt và trong phạm vi chỉ tiêu biên chế hoặc định mức lao động được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể:

a) Quỹ tiền lương: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), thù lao, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng đối với công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo chế độ quy định, trong phạm vi chỉ tiêu biên chế hoặc định mức lao động được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt theo hệ số lương 0,33 kể cả phụ cấp (nếu có) và các khoản đóng góp theo quy định.

b) Chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế hoặc định mức lao động được cấp có thẩm quyền giao, với định mức chi: 31 triệu đồng/người/năm (bằng 80% so với định mức đối với cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở tại điểm a, khoản 2 Điều 10)

c) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và căn cứ các hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao, hằng năm ngân sách bố trí để thực hiện những nhiệm vụ này.

2. Các tổ chức hội không có tính chất đặc thù: Căn cứ các hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao, hằng năm ngân sách bố trí để thực hiện những nhiệm vụ này.

3. Đối với hoạt động thực hiện nhiệm vụ, chương trình của Hội đề ra thì các tổ chức Hội tự cân đối từ nguồn kinh phí hợp pháp để thực hiện.

Mục 3
ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 16. Định mức chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện.

Theo Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý nhà nước từ các trường Mầm non đến Trung học cơ sở (Bao gồm cả Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện).

Phân bổ kinh phí cho sự nghiệp giáo dục:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng, gồm:

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người làm việc được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm 30/9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với giáo viên, cán bộ quản lý thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm 30/9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 (bao gồm các khoản đóng góp theo quy định) trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới và dạy tăng, dạy thay.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động đảm bảo tỉ lệ 82/18: Quỹ tiền lương trong cơ cấu (82%), gồm: Tiền lương ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp (chức vụ, thâm niên vượt khung và ưu đãi) và các khoản đóng góp của cán bộ, viên chức và giáo viên được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc để xác định khoản chi hoạt động (18%)

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{82\%} \times 18\%$$

c) Tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ quỹ tiền lương cho định suất lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP với số lượng 01 suất/ trường, theo mức hỗ trợ 2 lần mức lương cơ sở.

- Đối với Trường Phổ thông Dân tộc nội trú được phân bổ tiền lương đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP theo số lao động thực tế hợp đồng có mặt tại thời điểm tháng 9/2016 nhưng tối đa không quá định suất lao động, cụ thể: Lao động làm công việc bảo vệ, tạp vụ, quản sinh: 04 suất/trường. Lao động làm công việc cấp dưỡng cho học sinh theo mức tối thiểu 35 học sinh nội trú/ 01 nhân viên.

- Đối với các trường Phổ thông Dân tộc bán trú, tổ chức nấu ăn cho học sinh tập trung được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 2 lần mức lương cơ sở/tháng/30 học sinh; số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm 1 lần định mức, nhưng tối đa không quá 5 lần định mức nêu trên cho một trường.

- Đối với các trường Phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 2 lần mức lương cơ sở/tháng/35 học sinh; số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm 1 lần định mức, nhưng tối đa không quá 5 lần định mức nêu trên cho một trường.

- Đối với các chế độ về phụ cấp thu hút, phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; Trợ cấp học bổng cho học sinh trường Phổ thông DTNT huyện; Chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGD ĐT- BLĐTBXH- BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ: Giáo

dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính được bổ sung có mục tiêu hằng năm theo thực tế.

Ngoài ra, bổ sung có mục tiêu để thực hiện mua sắm, sửa chữa trường lớp học với mức 50 triệu đồng/trường/năm.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã:

Định mức ngân sách phân bổ là 20 triệu đồng/xã/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến sự nghiệp giáo dục do xã quản lý.

Điều 17. Định mức chi sự nghiệp đào tạo

1. Đối với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

Định mức phân bổ kinh phí cho sự nghiệp đào tạo theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi sự nghiệp đào tạo. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (quỹ tiền lương bao gồm: tiền lương theo ngạch bậc hoặc chức vụ, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo lương nếu có, các khoản đóng góp theo quy định; chiếm 80% tổng chi sự nghiệp đào tạo), gồm:

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm tháng 9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với giáo viên, cán bộ quản lý thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm tháng 9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi sự nghiệp đào tạo.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%.$$

c) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung kinh phí để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên cán bộ công chức, viên chức (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã), đảng viên:

Số lượng bồi dưỡng thường xuyên hằng năm dự kiến 30%/tổng số lượng đối tượng.

Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người/năm.

Tổng kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng thường xuyên hằng năm không thấp hơn 300 triệu đồng/huyện/năm.

Riêng đối với kinh phí mở các lớp Trung cấp Lý luận chính trị theo đề án phê duyệt của UBND tỉnh, được ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu hằng năm.

2. Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Giáo dục thường xuyên.

Định mức phân bổ kinh phí cho sự nghiệp đào tạo theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi sự nghiệp đào tạo. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi sự nghiệp đào tạo), gồm:

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm tháng 9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với giáo viên, cán bộ quản lý thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm tháng 9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi sự nghiệp đào tạo.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%.$$

Khuyến khích đơn vị liên kết mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng nhiệm vụ để tăng nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

Điều 18. Định mức chi sự nghiệp Y tế

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện.

Định mức phân bổ 100 triệu đồng/huyện/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác chăm sóc sức khoẻ của người dân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã:

Định mức phân bổ 20 triệu đồng/xã/năm để hỗ trợ các hoạt động liên quan đến công tác chăm sóc sức khoẻ của người dân, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan.

Điều 19. Định mức chi sự nghiệp văn hoá thông tin

1.Định mức chi ngân sách cấp huyện.

Định mức phân bổ kinh phí cho sự nghiệp văn hóa thông tin theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi sự nghiệp văn hóa thông tin. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi sự nghiệp văn hóa thông tin), gồm:

- Đối với biên chế sự nghiệp và người được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm 30/9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với số lượng viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm 30/9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi sự nghiệp văn hóa thông tin.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%$$

c) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung để chi cho các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin là 400 triệu đồng/huyện/năm.

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện = 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 10 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

- Bổ sung thêm cho thành phố Tam Kỳ 500 triệu đồng/năm, thị xã Điện Bàn và huyện Núi Thành mỗi địa phương 200 triệu đồng/năm, để bổ sung nhiệm vụ tuyên truyền cổ động trực quan.

- Tiếp tục bổ sung cho 09 huyện miền núi là 100 triệu đồng/huyện/năm để thực hiện chính sách ưu tiên văn hoá của Đảng và Nhà nước đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã:

a) Định mức chi hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã là: 80 triệu đồng/xã/năm.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn, tổ dân phố/xã) thì được bổ sung thêm 04 triệu đồng/ thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Định mức trên bao gồm hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã.

Điều 20. Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao.

1. Định mức phân bổ chi ngân sách cấp huyện

Phân bổ kinh phí cho sự nghiệp thể dục thể thao theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi sự nghiệp thể dục thể thao. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi sự nghiệp thể dục thể thao), gồm:

- Đối với biên chế sự nghiệp và người được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm tháng 9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với số lượng viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm 30/9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi sự nghiệp thể dục thể thao.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%$$

c) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung để chi cho các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao hằng năm là 200 triệu đồng/huyện/năm.

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện = 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 05 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

- Tiếp tục bổ sung cho ngân sách 09 huyện miền núi: 100 triệu đồng/huyện/năm để tổ chức và tham gia các hoạt động thể thao các dân tộc miền núi truyền thống hằng năm.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

Ngân sách cấp xã chủ yếu chi tổ chức các giải thi đấu thể thao tại xã, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng tại cộng đồng dân cư, Chương trình phát triển TDTT ở xã, phường, thị trấn.

- Định mức chi hoạt động thể dục thể thao là 50 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn, tổ dân phố/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Định mức trên bao gồm hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã.

Điều 21. Định mức chi sự nghiệp truyền thanh, truyền hình

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

Định mức phân bổ kinh phí cho sự nghiệp truyền thanh truyền hình theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi sự nghiệp truyền thanh truyền hình. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi sự nghiệp truyền thanh truyền hình), gồm:

- Đối với biên chế sự nghiệp và người được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng làm việc trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm tháng 9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với số lượng viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm 30/9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,34 trên mức lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi sự nghiệp truyền thanh truyền hình.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%$$

c) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung để chi cho các hoạt động sự nghiệp truyền thanh, truyền hình của Đài huyện (Đài Truyền thanh - Truyền hình) là 300 triệu đồng/huyện/năm.

- Bổ sung để chi hoạt động của Trạm phát lại Truyền hình liên xã là 50 triệu đồng/trạm/năm, Trạm phát lại Truyền hình xã là 30 triệu đồng/trạm/năm.

- Hỗ trợ 06 huyện miền núi cao 100 triệu đồng/huyện/năm để đầu tư mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

Định mức chi sự nghiệp truyền thanh cho ngân sách cấp xã nhằm đảm bảo hoạt động và phát triển các Đài Truyền thanh và trạm phát thanh FM cấp xã (chế

độ tiền lương cán bộ phụ trách truyền thanh đã được tính cho cán bộ xã, cán bộ không chuyên trách xã).

- Định mức chi hoạt động truyền thanh cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn, tổ dân phố/ xã) thì được bổ sung thêm 02 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Điều 22. Định mức chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Định mức phân bổ để thực hiện nhiệm vụ: Bảo trợ xã hội thường xuyên, bảo trợ đột xuất; tổ chức thăm hỏi gia đình chính sách người có công; công tác giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lao động, việc làm; quản lý đối tượng chính sách, đối tượng xã hội... theo quy định hiện hành.

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện.

a) Bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động đảm bảo xã hội trên địa bàn: 600 triệu đồng/huyện/năm.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện = 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 30 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung thêm cho các huyện miền núi để tăng nguồn bảo trợ xã hội, vận chuyển hàng cứu trợ, dự trữ gạo cứu đói, phòng chống thiên tai, lũ lụt và cứu trợ đột xuất.., với mức: huyện núi thấp 150 triệu đồng/huyện/năm, huyện núi cao 200 triệu đồng/huyện/năm.

- Bổ sung có mục tiêu theo thực tế các nhiệm vụ sau:

Hỗ trợ thăm hỏi, động viên gia đình chính sách người có công vào dịp kỷ niệm ngày 27/7 và Tết Nguyên đán hằng năm với mức chi cụ thể: Thăm và tặng quà tết Nguyên đán là 400.000 đồng/đối tượng, thăm và tặng quà ngày 27/7 là 300.000 đồng/đối tượng.

Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Bổ sung kinh phí chi trả trợ cấp hằng tháng cho Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung kinh phí chi hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg.

Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định 55/2016/NĐ-CP.

Tùy theo khả năng, trình độ quản lý mà HĐND cấp huyện quyết định phân cấp cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ bổ sung nêu trên cho phù hợp.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã, phường, thị trấn:

Định mức chi hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội: 50 triệu đồng/xã/năm

Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718/244 = 07 thôn/xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn bình quân.

Điều 23. Định mức chi quản lý hành chính

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

Định mức phân bổ kinh phí cho chi quản lý hành chính theo cơ cấu quỹ tiền lương chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi quản lý hành chính. Cụ thể:

a) Phân bổ đủ quỹ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi quản lý hành chính), gồm:

- Đối với cán bộ công chức và người lao động trong chỉ tiêu biên chế có mặt đến thời điểm 30/9/2016, thì tính theo quỹ tiền lương thực tế.

- Đối với số biên chế trong chỉ tiêu giao chưa có mặt sẽ được bổ sung khi có quyết định tuyển dụng.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

b) Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi quản lý hành chính. Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%.$$

Đối với kinh phí hoạt động khối Đảng được tăng thêm 30%, kinh phí hoạt động của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tăng thêm 20%, kinh phí hoạt động của các đoàn thể (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) được tăng thêm 10% so với mức chi kinh phí hoạt động theo cách tính nêu trên.

c) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung cho hoạt động của Đảng bộ, HĐND, UBND, UBMT Tổ quốc Việt Nam cấp huyện với mức 2.500 triệu đồng/huyện/năm.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, ngân sách phân bổ thêm kinh phí chi hoạt động đối với Tổ chức Đảng bộ cơ sở, Chi bộ cơ sở và Chi bộ trực thuộc với các mức: Đảng bộ cơ sở 10 triệu đồng/năm; Chi bộ cơ sở 05 triệu đồng/năm; Chi bộ trực thuộc 03 triệu đồng/năm.

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện= 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 50 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

- Bổ sung để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động gắn liền với nhiệm vụ của nhà nước 500 triệu đồng/huyện/năm. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng tổ chức do HĐND cấp huyện quyết định.

- Bổ sung hoạt động đối với cán bộ, công chức của cấp huyện là thành viên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, mức chi: 30 triệu đồng/người/năm.

- Bổ sung quỹ tiền lương cho định suất lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP với số lượng 10 xuất/huyện, theo hệ số lương bình quân 1,86 và các khoản đóng góp theo quy định.

- Bổ sung cho huyện Nam Giang, Tây Giang với mức 1.000 triệu đồng/huyện/năm để bổ sung nguồn chi thực hiện các hợp tác với địa phương thuộc nước bạn Lào.

- Bổ sung theo dân số: Đối với phần dân số từ 80.000 dân trở xuống được phân bổ thêm 500 triệu đồng; Phần dân số từ 80.000 dân đến dưới 100.000 dân, cứ mỗi 5.000 dân tăng thêm được bổ sung 50 triệu đồng; Phần dân số từ 100.000 dân đến dưới 120.000 dân, cứ mỗi 10.000 dân tăng thêm được bổ sung 50 triệu đồng. Phần trên 120.000 dân trở lên, cứ mỗi 10.000 dân tăng thêm được bổ sung 30 triệu đồng.

- Đối với huyện có xã miền núi được bố trí 50 triệu đồng/xã miền núi.

- Bổ sung mua sắm, sửa chữa với mức 500 triệu đồng/huyện/năm.

- Đối với chế độ phụ cấp Cấp ủy cấp huyện, phụ cấp đại biểu HĐND cấp huyện, phụ cấp của Hội đặc thù được tính theo thực tế.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

a) Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách cấp xã (bao gồm cả nhân viên thú y xã).

Phân bổ kinh phí cho chi quản lý hành chính theo cơ cấu quỹ tiền lương đối với cán bộ công chức và chuyên trách cấp xã, phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách cấp xã chiếm 80% và chi hoạt động chiếm 20%/tổng chi quản lý hành chính. Cụ thể:

- Phân bổ đủ quỹ tiền lương đối với cán bộ công chức và chuyên trách cấp xã, phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã (bao gồm cả BHXH, BHYT tự nguyện) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng (chiếm 80% tổng chi quản lý hành chính).

- Đối với cán bộ công chức thuộc chỉ tiêu biên chế được giao đến thời điểm tháng 9/2016 mà chưa tuyển dụng (nếu có), được phân bổ theo hệ số 2,1 so với lương cơ sở để dự nguồn cho việc tuyển dụng mới.

- Bổ sung để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số nâng lương 0,33 (kể cả các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định).

- Chi hoạt động (ngoài quỹ tiền lương) đảm bảo 20%/tổng chi quản lý hành chính.

Cách xác định:

$$\text{Kinh phí chi hoạt động} = \frac{\text{Quỹ tiền lương}}{80\%} \times 20\%$$

* Tiêu chí bổ sung:

- Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 10 triệu đồng/ 01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

- Bổ sung kinh phí hoạt động của 5 Đoàn thể cấp xã với mức 160 triệu đồng/năm. Hội đồng nhân dân cấp xã, căn cứ kế hoạch và tình hình hoạt động cụ thể trong năm của từng Đoàn thể mà có sự phân bổ phù hợp.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách quy định tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, ngân sách phân bổ thêm kinh phí chi hoạt động đối với Tổ chức Chi bộ cơ sở và Chi bộ trực thuộc với các mức: Chi bộ cơ sở 05 triệu đồng/năm; Chi bộ trực thuộc 03 triệu đồng/năm.

- Bổ sung kinh phí hoạt động của Đảng bộ, HĐND, UBND, UBMT Tổ quốc Việt Nam cấp xã với mức 300 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở Khu dân cư được phân bổ thực tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch (05 triệu đồng/khu dân cư, riêng đối với Khu dân cư thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì được phân bổ với mức 07 triệu đồng/khu dân cư).

- Bổ sung kinh phí hoạt động cho Chi hội thôn tại các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư 49/2014/TT-BTC ngày 20/3/2014 của Bộ Tài chính với mức 02 triệu đồng/Chi hội/năm.

- Bổ sung mua sắm, sửa chữa với mức 50 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với chế độ phụ cấp Cấp ủy cấp xã, phụ cấp đại biểu HĐND cấp xã, phụ cấp Hội đặc thù được tính theo thực tế.

b) Định mức chi cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Bao gồm các chế độ: Phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh, hỗ trợ đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện cho cán bộ thôn, tổ dân phố quy định tại NQ 155/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh .

Phân bổ theo tiêu chí:

- Phân bổ đủ phụ cấp, các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định cho những người hoạt động không chuyên trách.

- Chi hoạt động 10 triệu đồng/thôn/năm.

Điều 24. Định mức chi an ninh địa phương

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

a) Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội cấp huyện: 400 triệu đồng/huyện/năm.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện = 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 20 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Đối với các huyện có xã biên giới, hải đảo được bổ sung theo mức 10 triệu đồng/xã biên giới, hải đảo/năm.

- Bổ sung 100 triệu đồng/huyện/năm để cùng với định mức trên đảm bảo an ninh cho các khu vực đặc thù (Khu kinh tế, khu công nghiệp, cửa khẩu, lao động vãng lai nhiều, địa bàn tiếp giáp với tỉnh, thành phố khác).

- Bổ sung 300 triệu đồng/huyện/năm cho các địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản, lâm sản phức tạp (Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức, Nam Giang, Phước Sơn, Đông Giang, Tây Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My và Phú Ninh)

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

a) Phân bổ kinh phí chi hoạt động giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội cấp xã: 40 triệu đồng/xã/năm.

Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã = 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Đối với xã chưa thành lập lực lượng Công an chính quy được hỗ trợ 10 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với các xã loại 1 được bổ sung 10 triệu đồng/xã/năm; xã loại 2 bổ sung 8 triệu đồng/xã/năm; xã loại 3 bổ sung 5 triệu đồng/xã/năm.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với Ban Bảo vệ dân phố theo Nghị quyết số 137/2009/NQ-HĐND tỉnh ngày 22/7/2009 của HĐND tỉnh; kinh phí chi trả phụ cấp cho Công an viên thường trực ở xã và kinh phí trực cho xã trọng điểm về an ninh được bổ sung theo mức chi quy định.

Điều 25. Định mức chi quốc phòng địa phương

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

a) Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động quốc phòng cấp huyện: 600 triệu đồng/huyện/năm.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có số đơn vị hành chính cấp xã cao hơn số đơn vị hành chính cấp xã bình quân (244 xã/18 huyện= 14 xã/huyện) thì được bổ sung thêm 35 triệu đồng/01 đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm so với số xã bình quân.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Đối với các huyện có xã biên giới, hải đảo được bổ sung theo mức 20 triệu đồng/xã biên giới, hải đảo/năm.

- Đối với kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên được phân bổ theo khả năng ngân sách và thực tế. Căn cứ vào yêu cầu quản lý đặc thù của ngành mà phân cấp các nhiệm vụ chi cụ thể cho ngân sách cấp xã trực tiếp thực hiện.

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

a) Định mức phân bổ kinh phí chi hoạt động Quốc phòng cấp xã: 40 triệu đồng/xã/năm

Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 03 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

b) Tiêu chí bổ sung: Đối với các xã loại 1 được bổ sung 10 triệu đồng/xã/năm; xã loại 2 bổ sung 8 triệu đồng/xã/năm; xã loại 3 bổ sung 5 triệu đồng/xã/năm.

Điều 26. Định mức chi sự nghiệp kinh tế

Căn cứ định mức Trung ương phân bổ, sau khi dành nguồn để thực hiện một số mục tiêu theo Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh, định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế năm 2017 cho ngân sách cấp huyện (bao gồm ngân sách cấp xã) được tính bằng 7% trên tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức (không bao gồm các nhiệm vụ chi được bổ sung theo mục tiêu).

Kinh phí phân bổ cho sự nghiệp kinh tế bao gồm cả kinh phí hoạt động, chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, các Trạm, Trại thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương cấp huyện và phần đối ứng của ngân sách cấp huyện cho các Đề án, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh theo quy định.

- Định mức bổ sung:

Bổ sung mỗi huyện, thị xã, thành phố 300 triệu đồng/năm để tạo điều kiện hỗ trợ thu hút đầu tư, phát triển khu, cụm công nghiệp.

Bổ sung mỗi huyện, thị xã, thành phố 05 tỷ đồng/năm để cùng với định mức nêu trên đảm bảo nguồn cho sự nghiệp kinh tế.

Trường hợp định mức được phân bổ nêu trên mà thấp hơn so với mặt bằng chi tỉnh giao năm 2016, thì được bổ sung để đảm bảo không thấp hơn mặt bằng chi tỉnh giao năm 2016.

- Ngoài ra, bổ sung có mục tiêu để thực hiện:

Bổ sung để thực hiện nhiệm vụ kiến thiết thị chính theo cơ chế đặc thù của tỉnh cho thành phố Tam Kỳ 40 tỷ đồng/năm, thị xã Điện Bàn 30 tỷ đồng/năm, thành phố Hội An 20 tỷ đồng/năm, huyện Núi Thành 20 tỷ đồng/năm. Đối với các địa phương còn lại chưa được hưởng cơ chế đặc thù của tỉnh thì được bổ sung 03 tỷ đồng/huyện/năm.

Bổ sung để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch kinh tế xã hội theo cơ chế đặc thù của tỉnh cho thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn, huyện Núi Thành với mức 02 tỷ đồng/địa phương/năm. Đối với các địa phương còn lại chưa được hưởng cơ chế đặc thù của tỉnh thì được bổ sung 01 tỷ đồng/huyện/năm .

Bổ sung để thực hiện duy trì các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là 500 triệu đồng/xã/năm.

Bổ sung để thực hiện: Các chương trình, đề án của HĐND tỉnh, UBND tỉnh về lĩnh vực phát triển kinh tế, nông nghiệp và nông thôn... theo nhu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách. Hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ; kinh phí cấp bù thuỷ lợi phí, kinh phí hỗ trợ cho xã đảo được phân bổ theo thực tế.

Căn cứ năng lực quản lý thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế của cấp xã, HĐND cấp huyện phân bổ ngân sách trong tổng mức sự nghiệp kinh tế cho ngân sách cấp xã để thực hiện.

Điều 27. Định mức chi sự nghiệp môi trường

1. Định mức chi ngân sách cấp huyện:

a) Định mức chi sự nghiệp môi trường: được tính trên cơ sở dân số bình quân trên một đơn vị hành chính cấp huyện (80.000 dân/huyện). Phần dân số từ 80.000 dân trở xuống được phân bổ 600 triệu đồng. Phần dân số từ 80.000 dân đến dưới 100.000 dân, cứ mỗi 5.000 dân tăng thêm được bổ sung 100 triệu đồng. Phần dân số từ 100.000 dân đến dưới 120.000 dân, cứ mỗi 10.000 dân tăng thêm được bổ sung 100 triệu đồng. Phần trên 120.000 dân trở lên, cứ mỗi 10.000 dân tăng thêm được bổ sung 50 triệu đồng

b) Tiêu chí bổ sung:

- Bổ sung: 300 triệu đồng/huyện/năm đối với địa phương tự xử lý rác thải; 200 triệu đồng/huyện/năm đối với địa phương chỉ thực hiện nhiệm vụ thu gom rác thải.

- Đối với các địa phương có Khu Công nghiệp được bổ sung thêm 500 triệu đồng/khu/năm, Cụm Công nghiệp được bổ sung thêm 200 triệu đồng/cụm/năm.

Đối với các địa phương bị ảnh hưởng lũ lụt, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan căn cứ vào tình hình thực tế tham mưu UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí để xử lý môi trường sau lũ lụt.

c) Bổ sung có mục tiêu để thực hiện cơ chế đặc thù của tỉnh cho thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và huyện Núi Thành được bổ thêm 3.000 triệu đồng/năm/địa phương để giải quyết môi trường đô thị (kể cả giải quyết hỗ trợ thêm do có nhiều Khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ).

2. Định mức chi ngân sách cấp xã:

a) Định mức chi sự nghiệp môi trường: 40 triệu đồng/xã/năm.

b) Tiêu chí bổ sung:

Đối với các phường, thị trấn được bổ sung thêm 1 lần định mức nêu trên để cùng định mức giải quyết môi trường ở đô thị.

Đối với các xã, phường, thị trấn có số thôn, tổ dân phố cao hơn số thôn, tổ dân phố bình quân (1.718 thôn/244 xã= 07 thôn/ xã) thì được bổ sung thêm 05 triệu đồng/01 thôn, tổ dân phố tăng thêm so với số thôn, tổ dân phố bình quân.

Điều 28. Định mức chi khác ngân sách

Định mức chi khác ngân sách cho từng cấp ngân sách hằng năm bằng 0,5% (không phẩy năm phần trăm) trên tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức nêu trên (không bao gồm các nhiệm vụ chi được bổ sung theo thực tế).

Điều 29. Dự phòng ngân sách

Phân bổ vào dự toán ngân sách từng cấp khoản dự phòng ngân sách bằng 2% (Hai phần trăm) tổng dự toán chi ngân sách cấp đó.

Điều 30. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách

1. Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tăng thêm số bổ sung so với năm đầu thời kỳ ổn định cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh để đảm bảo cân đối nhiệm vụ chi theo các quy định mới.

2. Hằng năm, ngân sách cấp huyện có phát sinh nguồn thu lớn từ các dự án mới, giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định tỷ lệ để lại cho ngân sách địa phương nhằm hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, khuyến khích nuôi dưỡng nguồn thu.

Điều 31. Thời điểm áp dụng.

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương bao gồm các khoản chi theo chế độ, chính sách mới được nhà

nước ban hành đến ngày 30/9/2016 và được áp dụng kể từ niên độ ngân sách năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 32. Trong quá trình triển khai thực hiện có các quy định mới của Chính phủ và các Bộ, ngành và các phát sinh thực tế từ các địa phương (nếu có), Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đinh Văn Thu